

[Quyết định ban hành Chương trình đào tạo](#)[Quyết định ban hành Chương trình đào tạo Địa lí du học](#)

-

Chương trình đào tạo trình độ Đại học và Cao đẳng hệ chính quy các ngành đào tạo tại trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Tt	Mã ngành	Trình độ	Tên ngành	Tên chương trình đào tạo
1	52140114	Đại học	Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục
2	52140201	Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non
3	52140202	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học (tờ trình điều chỉnh ngày 13/2/2017)
4	52140203	Đại học	Giáo dục Đặc biệt	Giáo dục Đặc biệt
5	52140205	Đại học	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Chính trị
6	52140206	Đại học	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất
7	52140208	Đại học	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Giáo dục quốc phòng và an ninh
8	52140209	Đại học	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học
9	52140210	Đại học	Sư phạm Tin học	Sư phạm Tin học
10	52140211	Đại học	Sư phạm Vật lý	Sư phạm Vật lý
11	52140212	Đại học	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học
12	52140213	Đại học	Sư phạm Sinh học	Sư phạm Sinh học
13	52140217	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn (Nội dung điều chỉnh theo tờ trình ngày 14/11/2017)
14	52140218	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Sư phạm Lịch sử
15	52140219	Đại học	Sư phạm Địa lý	Sư phạm Địa lý (nội dung điều chỉnh theo tờ trình ngày 12/3/2017)
16	52140231	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh
17	52140232	Đại học	Sư phạm tiếng Nga	Sư phạm Tiếng Nga
18	51140231	Cao đẳng	Sư phạm Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh
19	52140233	Đại học	Sư phạm Tiếng Pháp	Sư phạm Tiếng Pháp
20	52140234	Đại học	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	Sư phạm Tiếng Trung Quốc
21	52220101	Đại học	Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam	Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam
22	52220113	Đại học	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch

Tt	Mã ngành	Trình độ	Tên ngành	Tên chương trình đào tạo
				(Nội dung điều chỉnh theo tờ trình ngày 14/11/2017)
23	52220201	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh thương mại
24				Biên phiên dịch
25	52220202	Đại học	Ngôn ngữ Nga	Ngôn ngữ Nga
26	51220201	Cao đẳng	Tiếng Anh	Tiếng Anh
27	52220203	Đại học	Ngôn ngữ Pháp	Biên phiên dịch
28				Du lịch
29	52220204	Đại học	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung quốc
30	52220209	Đại học	Ngôn ngữ Nhật	Ngôn ngữ Nhật
31	52220210	Đại học	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Biên phiên dịch
32				Du lịch
33	52220212	Đại học	Quốc tế học	Quốc tế học
34	52220330	Đại học	Văn học	Văn học
				(Nội dung điều chỉnh theo tờ trình ngày 14/11/2017)
35	52310401	Đại học	Tâm lý học	Tâm lí học
36	52310403	Đại học	Tâm lý học giáo dục	Tâm lí học Giáo dục
37	52760101	Đại học	Công tác xã hội	Công tác xã hội
38	52440102	Đại học	Vật lý học	Vật lý học
39	52440112	Đại học	Hóa học	Hóa học
40	52480201	Đại học	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
41	52310501	Đại học	Địa lý học	Địa lí du lịch

-

-

-